

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 245/2026/DS-PT
Ngày 27 tháng 8 năm 2026
*V/v "Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Thảo _ Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:* Bà Đoàn Thị Cẩm _ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 107/2026/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc "*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2026/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần X1, địa chỉ: A ngõ B phố H, phường T, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh B, chức danh: Tổng Giám đốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, địa chỉ: Số E H, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Quang C, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ D phường T, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: 1 L, phường T, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 17-6-2026 tại Văn phòng C1; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty Cổ phần X1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

**** Nguyên đơn - Công ty Cổ phần X1, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:***

Qua mối quan hệ quen biết giữa bà Nguyễn Thị T1 – Giám đốc Chi nhánh của Công ty Cổ phần X1 (sau đây viết tắt là Công ty X1) và ông Nguyễn Văn T, ông Trịnh Xuân T2 – nhân viên kinh doanh của Chi nhánh tại Đà Nẵng được giao nhiệm vụ phụ trách kinh doanh với công trình tại nhà của ông T. Hai bên có nhắn tin làm việc qua zalo. Theo quy định của Công ty X1, Biểu mẫu hồ sơ của Hợp đồng kinh tế bao gồm: Hợp đồng kinh tế; Phụ lục Hợp đồng quy định chi tiết về hàng hóa và giấy tờ của hàng hóa cung cấp cho hồ sơ thanh toán đợt 2.

Ngày 10/05/2023, ông T2 mang các giấy tờ trên theo mẫu của Công ty X1 đến gặp ông T để xem và ký. Tuy nhiên, ông T chỉ ký Hợp đồng kinh tế số: 10052023/HĐKT/BLC-NGUYENVANTHO về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị bể bơi tại nhà riêng của ông T tại địa chỉ: E P, phường H, quận L, Tp .. Giá trị Hợp đồng tạm tính là 99.020.000 đồng và Báo giá thiết bị bể bơi. Còn Phụ lục Hợp đồng thì ông T không ký.

Nội dung của Hợp đồng kinh tế thể hiện ông T có trách nhiệm thanh toán tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng trong vòng 1 ngày kể từ ngày 10/05/2024 và thanh toán đợt 2 đến 80% giá trị của Hợp đồng trong vòng 01 ngày kể từ khi vật tư, thiết bị về đến công trình đạt giá trị tương đương 80% giá trị của Hợp đồng và đã nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Chi nhánh B1. Hồ sơ thanh toán đợt 2 bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu bàn giao, Giấy tờ hàng hóa theo quy định của Phụ lục Hợp đồng.

Từ ngày 27/05/2023 đến 29/05/2023, ông T đề nghị ông T2 gửi đề nghị thanh toán để tạm ứng, ông T2 đã gửi ảnh chụp file word Đề nghị thanh toán có số tài khoản của Công ty qua zalo của ông T. Ông T đã thanh toán tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng cho Công ty X1 vào ngày 29/05/2023 bằng tài khoản của bà Huỳnh Thị Thu T3 và chụp ảnh bill giao dịch qua zalo cho Công ty X1 để thông báo. Ngày 03/06/2023, đại diện Chi nhánh B1 – ông T2 đã thông báo cho ông T qua zalo về việc sẽ giao hàng lên từ ngày 05/06/2023. Từ ngày 05/06/2023 đến ngày 06/06/2023 thì Công ty X1 đã tiến hành giao hàng nhưng ông T có việc, không có mặt để ký giao nhận, cũng như nhận giấy tờ về hàng hóa. Sau khi giao đủ hàng hóa theo Hợp đồng, ông T2 đã thông báo đã giao đủ hàng, lắp gần xong và đề nghị ông T thanh toán đợt 2 qua zalo. Ông T không có ý kiến phản đối về việc Công ty X1 đã giao đủ hàng mà lấy lý do theo ông phải thi công xong, có xác nhận nghiệm thu hoàn thành của ông T thì mới đủ điều kiện thanh toán tiếp. Căn cứ quy định của Hợp đồng thì trường hợp này không cần có biên bản nghiệm thu do ông T đã không có mặt tại hiện trường tại thời điểm nghiệm thu theo thông báo của Công ty X1. Đồng thời, hai Bên không xác lập quy định về giấy tờ hàng hóa trong Phụ lục về thiết bị đính kèm (Phụ lục về Thiết bị đính kèm Hợp đồng không được ông T đồng ý ký) và nội dung Phụ lục không yêu cầu cung cấp Giấy tờ hàng hóa nào trong hồ sơ thanh toán đợt 2 nên Công ty X1 không phải cung cấp. Công ty X1 có quyền cung cấp Giấy tờ hàng hóa sau khi

ông T đã thanh toán đợt 2 theo quy định tại khoản 2, Điều 42 của Luật Thương Mại 2005. Khi nhận được đề nghị thanh toán đợt 2, ông T viện lý do không chính đáng là phải làm xong, nghiệm thu xong mới thanh toán mặc dù đại diện Công ty X1 đã chỉ rõ quy định trong Hợp đồng. Cụ thể là các tin nhắn zalo mà ông T phản hồi lại như sau. “Em thi công mà làm chi có chuyện giao hàng xong thanh toán em. Anh không chấp nhận. Nói sếp em anh không chịu. Em lắp xong, kiểm tra nghiệm thu xong mới thanh toán. Thanh toán chia làm 02 đợt, tạm ứng và làm xong thanh toán. Em muốn thu hồi hã, không dễ đâu em nhé”. Điều đó thể hiện ông T đã vi phạm quy định Hợp đồng.

Căn cứ tại điều 10 của Hợp đồng thì khi ông T vi phạm thanh toán tạm ứng hoặc thanh toán đợt 2 hoặc nghĩa vụ tiếp nhận nghiệm thu thì Công ty X1 đều có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, sở hữu hàng hóa và khoản tiền đã nhận mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì và yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải bồi thường 30% giá trị tạm tính của Hợp đồng.

Ngày 14/06/2023, Công ty X1 tiến hành thu hồi thiết bị và đã thu hồi được một phần hàng hóa do ông T vẫn đưa thẻ cho nhân viên Công ty X1 đến làm việc. Sau đó, ông T đã thay đổi mã khóa nên Công ty X1 không tiếp tục thu hồi được hàng hóa nữa. Công ty X1 gửi thông báo vào ngày 12/07/2023 và đến nhà ông T để làm việc vào ngày 14/07/2023 nhưng ông T không hợp tác, không hoàn trả tài sản của Công ty X1 cũng như không thanh toán đợt 2. Mặt khác, ông T còn nộp đơn tố cáo cơ quan công an việc Công ty X1 xâm nhập gia cư bất hợp pháp nhưng không có kết quả. Tiếp đó, ông T làm đơn khởi kiện Chi nhánh B1 đến Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu yêu cầu Chi nhánh B1 trả lại tạm ứng và bồi thường thiệt hại.

Ngày 19/10/2023, Công ty Cổ phần X1 nhận được Thông báo số: 173/TB-TLVA ngày 12/10/2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp .. Nội dung của Thông báo thụ lý như sau: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý vụ án dân sự số: 173/2023/TLST-DS về việc: “Yêu cầu chấm dứt hợp đồng và bồi thường hợp đồng” theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1985; Địa chỉ: E H, phường H, quận L, Tp .. Bị đơn là Chi nhánh Công ty Cổ phần X1. Đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị T1.

Ngày 15/10/2023, Công ty X1 nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý đơn khởi kiện có nội dung: Buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại cho Công ty X1 với số tiền là 29.706.000 đồng, tương đương 30% giá trị tạm tính của Hợp đồng đã ký và hoàn trả 23 tài sản của Công ty X1 theo danh mục đính kèm, trường hợp có hao hụt thì phải bồi thường theo đơn giá tại Hợp đồng. Tuy nhiên, Thẩm phán Phan Văn T4 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu không thụ lý đơn khởi kiện của Công ty X1 mà viện lý do không chính đáng là đã ban hành thông báo thụ lý sai đối tượng khởi kiện với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T vào ngày 12/10/2023 nên ép buộc Công ty X1 phải sửa thành đơn phản tố nếu không sẽ không thụ lý. Công ty X1 không đồng ý sửa đơn khởi kiện thành đơn phản tố nên ông T4 đã không thụ lý vụ kiện.

Đến nay, số hàng hóa mà ông Nguyễn Văn T đang chiếm giữ bất hợp pháp của Công ty X1 có giá trị là 29.420.000 đồng

Trong đó tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 08/04/2024 của Tòa án nhân dân Quận Liên Chiểu thì hạng mục số 18 là 1 thùng Clorin và 01 Đèn xông ước đã không còn tại nhà riêng của ông Nguyễn Văn T. Tại thời điểm này, ông Nguyễn Văn T đề nghị Công ty X1 phải thu hồi các thiết bị, vật tư.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/06/2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định không công tâm, ngụy tạo diễn biến phiên tòa, không khách quan, bênh vực cho ông T dẫn đến quy chụp lỗi đơn phương chấm dứt Hợp đồng thuộc về Công ty X1, Công ty X1 phải bồi thường 30% giá trị tạm tính và trả lại tạm ứng cho ông Nguyễn Văn T. Đối với số hàng hóa tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 08/04/2024 thì ông Nguyễn Văn T phải trả lại cho Công ty X1. Thực tế, tại phiên tòa sơ thẩm thì Hội đồng xét xử, đều nhận định là ông T không có ý kiến phản đối trong thời hạn hợp lý với thông báo giao đủ hàng của Công ty X1 nên việc Công ty X1 giao đủ hàng theo Hợp đồng là có cơ sở chấp thuận. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty X1 đề nghị xem xét lỗi vi phạm nghĩa vụ thanh toán tạm ứng của ông Nguyễn Văn T nhưng trong Bản án sơ thẩm lại đảo ngược thành hai Bên đề nghị không xem xét lỗi vi phạm tạm ứng của ông Nguyễn Văn T.

Sau đó Công ty X1 đã có đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/09/2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì ông T đã nhận 24 hình ảnh zalo là nội dung trao đổi của ông với ông Trịnh Xuân T2 – Đại diện Công ty X1. Tòa án cấp phúc thẩm đã căn cứ vào bằng chứng khách quan là 24 hình ảnh tin nhắn zalo và quy định pháp luật liên quan để phát hiện ra rằng ông T không có mặt tại hiện trường vào thời điểm giao nhận theo thông báo của Công ty X1, không có ý kiến phản đối về việc Công ty X1 đã giao đủ hàng, lý do dẫn đến không thanh toán là muốn Công ty X1 phải làm xong và được ông nghiệm thu đi vào sử dụng thì mới thanh toán.

Tòa án cấp phúc thẩm đã phát hiện ra lỗi vi phạm dẫn đến đơn phương chấm dứt Hợp đồng là của ông T. Do đó, bác yêu cầu trả lại tạm ứng và bồi thường của ông T. Căn cứ theo Điều 10 của Hợp đồng đã ký thì Công ty X1 được sở hữu tiền tạm ứng, hàng hóa và không phải chịu trách nhiệm nào. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã sai sót khi cho rằng Công ty X1 đã không thông báo khi thu hồi hàng hóa vào ngày 14/06/2023 và không xem xét đến việc ông T chống đối yêu cầu của Công ty X1 từ thời điểm đó đến nay. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định ông T chỉ phải trả lại 21 hàng hóa theo danh mục. Thực tế, qua tin nhắn zalo ngày 13/06/2024, ông T đã biết bà Nguyễn Thị T1 chỉ đạo ông Trịnh Xuân T2 thu hồi hàng về, đồng thời phản hồi với phía Công ty X1: Em muốn thu hồi hã, không dễ đâu nhé. Sau đó, ông T không hợp tác hoàn trả tài sản cho Công ty X1 trong 03 lần thu hồi tiếp theo, ngày 23/06/2023, ngày 14/07/2023 và ngày 25/09/2024 dẫn đến Công ty X1 thiệt hại chi phí nhân lực và phương tiện trong 03 lần trên.

Nay, Công ty X1 yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường 30% giá trị tạm tính của Hợp đồng tương đương với 29.706.000 đồng cho Công ty X1 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường chi phí phương tiện và nhân công do Công ty X1 đã 03 lần thông báo và đến thu hồi tài sản nhưng ông Nguyễn Văn T không phối hợp. Chi phí phương tiện di chuyển các ngày 14/07/2023, 25/09/2024 là 4.000.000 đồng. Chi phí nhân công các ngày 14/07/2023, 25/09/2024 là 4.000.000 đồng. Chi phí nhân công soạn, in và gửi thông báo 03 lần các ngày 21/06/2023, 12/07/2023, 21/09/2024 là 600.000 đồng. Tổng giá trị bồi thường là 8.600.000 đồng.

3. Yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường bằng tiền theo đơn giá của Hợp đồng đối với số tiền hàng hóa bị mất trong quá trình ông Nguyễn Văn T chiếm giữ trái phép là 1 thùng Clorin 45 kg và 01 Đền xông uớt hiệu TAFUMA. Giá trị bồi thường là 625.000 đồng.

4. Yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường bằng tiền với giá trị bằng 90% đơn giá của Hợp đồng do chiếm giữ quá 01 năm dẫn đến hàng hóa đã cũ, hết hạn bảo hành đối với 21 danh mục hàng hóa, thiết bị trong Bản án phúc thẩm. Giá trị bồi thường là 25.905.000 đồng và hiện tại công ty không có nhu cầu nhận lại hàng hóa này.

**** Bị đơn- ông Nguyễn Văn T trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:***

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa ông T và Chi nhánh Đ Công ty X1 đã ký hợp đồng số: 10052023/HĐKT/BCL về việc cung cấp và thi công lắp đặt thiết bị bể bơi. Tổng giá trị của hợp đồng là 99.020.000 đồng, thanh toán làm 03 đợt. Thực hiện theo nội dung Hợp đồng ông T đã tạm ứng cho Công ty X1 30% tương đương với 29.706.000 đồng vào ngày 29/5/2023. Tuy nhiên, đến ngày 05/6/2023 và 06/6/2023 Công ty X1 mới đưa thiết bị, vật tư đến công trình bể bơi khi không có mặt ông T ở nhà, không bàn giao trực tiếp cho ông T, không lập biên bản bàn giao vật tư, chủng loại số lượng cụ thể theo phụ lục hợp đồng. Phía Công ty X1 cho rằng, căn cứ tại mục 7.1 Điều 7 của Hợp đồng thì coi như công ty X1 đã hoàn thành việc giao vật tư, đồng thời yêu cầu ông T thanh toán số tiền giai đoạn 2 theo hợp đồng, trong khi ông T chưa nhận được bộ hồ sơ thanh toán đợt 02 từ phía Công ty X1 gồm: “Giấy đề nghị thanh toán; biên bản nghiệm thu bàn giao vật tư thiết bị; Giấy tờ của hàng hóa theo quy định tại Phụ lục về thiết bị đính kèm hợp đồng này” nên ông T không đồng ý chi trả số tiền theo điều khoản thanh toán mục b khoản 3.2 của Điều 3 trong hợp đồng là 80% giá trị hợp đồng bao gồm cả tiền tạm ứng tương đương với số tiền là 49.510.000 đồng.

Vài ngày sau đó ông T bận đi công tác, Công ty X1 đã đến công trình tự ý tháo dỡ toàn bộ thiết bị đã lắp đặt, không thông báo trước bằng văn bản cho ông T được biết để cùng tham gia, Công ty X1 đơn phương chấm dứt hợp đồng. Chính vì điều này đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình, gây thiệt hại kinh tế cho ông T.

Ngày 24/7/2023, ông Nguyễn Văn T đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân quận L để yêu cầu buộc Chi nhánh Công ty X1 tại Đà Nẵng chấm dứt hợp đồng, đền bù thiệt hại vật tư, thiết bị cũng như số tiền mà ông T đã tạm ứng cho Công ty X1. Tại Bản án số: 27/2024/DS-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp . (cũ) đã Quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty Cổ phần X1 về việc “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hợp đồng và bồi thường hợp đồng” và X: 1/ Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 10052023/HĐKT/BCL ngày 10/5/2023 V/v cung cấp và thi công lắp đặt thiết bị bể bơi, được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T và Chi nhánh Công ty Cổ phần X1. 2/ Buộc Công ty Cổ phần X1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 59.412.000đ. Trong đó tiền đã nhận tạm ứng: 29.706.000đ; Tiền bồi thường hợp đồng 29.706.000 đồng. Buộc Công ty Cổ phần X1 phải tháo dỡ, di chuyển các thiết bị vật tư đã lắp đặt và tập kết tại nhà ông Nguyễn Văn T (có 21 loại có bảng kê kèm theo bản án).

Nay, Công ty X1 căn cứ bản án số: 162/2024/DS-PT ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ), khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng là hoàn toàn không có căn cứ. Ông T đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty X1 về việc yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2026/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã quyết định:**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 419, 422, 428, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X1 đối với ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng”.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần X1 số tiền là 29.706.000 đồng.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X1 đối với ông Nguyễn Văn T về việc buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường chi phí thông báo và đến thu hồi tài sản với số tiền 8.600.000 đồng và buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường bằng tiền với giá trị bằng 90% đơn giá của Hợp đồng do chiếm giữ quá 01 năm dẫn đến hàng hóa đã cũ, hết hạn bảo hành đối với 21 danh mục hàng hóa, thiết bị trong Bản án phúc thẩm với số tiền 25.905.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí, chi phí thẩm định, quyền kháng cáo và quy định về thi hành án của các đương sự.

*** Đơn kháng cáo:**

Ngày 25/5/2026, Công ty Cổ phần X1 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường bằng tiền theo đơn giá của Hợp đồng đối với số tiền hàng hóa bị mất trong quá trình ông T chiếm giữ trái phép là 01 thùng Clorin 45kg và 01 Đèn xông ướt hiệu TAFUMA, giá trị bồi thường là 625.000 đồng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông T bồi thường chi phí thông báo và đến thu hồi tài sản với số tiền 8.600.000 đồng và bồi thường bằng tiền với giá trị bằng 90% đơn hàng của Hợp đồng do chiếm giữ quá 01 năm dẫn đến hàng hóa đã cũ, hết hạn bảo hành với 21 danh mục hàng hóa, thiết bị (*trong bản án phúc thẩm số 162/2024/DS-PT ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng*) với số tiền 25.905.000 đồng; Buộc ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự và chi phí thẩm định giá tài sản.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần X1 do không có căn cứ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người kháng cáo Công ty Cổ phần X1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không bị xem là từ bỏ quyền kháng cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét đơn kháng cáo của họ theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần X1 (sau đây viết tắt là Công ty X1):

[2.1] Tranh chấp giữa Công ty X1 và ông Nguyễn Văn T đối với Hợp đồng kinh tế số 10052023/HĐKT/BCL ngày 10/5/2023 (về việc cung cấp và thi công lắp đặt thiết bị bể bơi) đã được giải quyết một số nội dung tại các Bản án sơ thẩm số 27/2024/DSST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu và Bản án phúc thẩm số 162/2024/DSPT ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, án đã có hiệu lực pháp luật.

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty X1 số tiền là 29.706.000 đồng thì Công ty X1 không kháng cáo. Công ty X1 kháng cáo đối với số tiền Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường chi phí thông báo và

đến thu hồi tài sản với số tiền 8.600.000 đồng và buộc ông T bồi thường bằng tiền với giá trị bằng 90% đơn giá của Hợp đồng do chiếm giữ quá 01 năm dẫn đến hàng hóa đã cũ, hết hạn bảo hành đối với 21 danh mục hàng hóa, thiết bị trong Bản án phúc thẩm với số tiền 25.905.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản án phúc thẩm đã có hiệu lực số 162/2024/DSPT ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận định về việc qua xem xét thẩm định tại chỗ thì thiếu 02 hạng mục hàng hóa là 1 thùng Clorin 45 kg và 01 Đèn xông ướt hiệu TAFUMA và giữa Công ty X1 và ông T không có biên bản giao nhận vật tư thiết bị nên không xác định được nguyên nhân thiếu 02 hạng mục nên chỉ buộc ông T phải trả lại công ty X1 21 thiết bị, vật tư còn lại. Như vậy, bản án trên cũng đã xem xét, đánh giá đầy đủ cả 02 hạng mục hàng hoá mà nay Công ty X1 lại tiếp tục khởi kiện là không có căn cứ.

[2.2] Đối với số tiền Công ty X1 buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường chi phí phương tiện và nhân công 8.600.000 đồng thì Hợp đồng kinh tế số 10052023/HĐKT/BCL ngày 10/5/2023 giữa Công ty X1 và ông T không có thỏa thuận gì về các chi phí mà nay Công ty X1 yêu cầu bồi thường là không phù hợp.

[2.3] Đối với số tiền Công ty X1 buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường bằng tiền với giá trị bằng 90% đơn giá của Hợp đồng do chiếm giữ quá 01 năm dẫn đến hàng hóa đã cũ, hết hạn bảo hành đối với 21 danh mục hàng hóa, thiết bị là 25.905.000 đồng thì thấy: Sau khi Bản án phúc thẩm số 162/2024/DSPT ngày 11/9/2024 có hiệu lực pháp luật nhưng Công ty X1 đã không yêu cầu thi hành án nên thiệt hại xảy ra nếu có do hàng hoá không hồi về được không phải là trách nhiệm của ông T.

[2.4] Công ty X1 còn kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự và chi phí thẩm định giá tài sản. Tuy nhiên, theo quy định tại các Điều 147, 157, 165, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự phía chịu án phí và các chi phí tố tụng trong trường hợp yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

[2.5] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Công ty X1 không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Án phí phúc thẩm Công ty X1 phải chịu do không được chấp nhận kháng cáo.

[3] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, các Điều 311, 312, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 419, 422, 428, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần X1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2026/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X1 đối với ông Nguyễn Văn T về việc “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng*”.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần X1 số tiền là 29.706.000 đồng (*hai mươi chín triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X1 đối với ông Nguyễn Văn T về việc buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường chi phí thông báo và đến thu hồi tài sản với số tiền 8.600.000 đồng và buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường bằng tiền với giá trị bằng 90% đơn giá của Hợp đồng do chiếm giữ quá 01 năm dẫn đến hàng hóa đã cũ, hết hạn bảo hành đối với 21 danh mục hàng hóa, thiết bị trong Bản án phúc thẩm với số tiền 25.905.000 đồng.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.485.000 đồng (*một triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Công ty Cổ phần X1 phải chịu 1.725.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.333.075 đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007646 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Công ty Cổ phần X1 phải tiếp tục nộp số tiền là 392.175 đồng (*ba trăm chín mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng*).

4. Về chi phí thẩm định giá tài sản: Công ty Cổ phần X1 phải chịu 20.000.000 đồng (*đã nộp và chi xong*).

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần X1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005948 ngày 04/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; đã nộp đủ.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- THADS Thành phố Đà Nẵng;
- TAND KV4-ĐN;
- Phòng THADS KV4-ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Thanh Mai